

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ SÊ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HS-ST

Ngày: 16 - 8 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Dâu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Siu Tơ Lul.

2. Ông Mai Văn Thiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tào Thị Mỹ Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 24/2022/TLST-HS ngày 22/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HS, ngày 01/8/2022 đối với các bị cáo:

**1. Lê Minh P (Tên gọi khác: C),** sinh ngày 10/02/1989, tại: Huyện S, Gia Lai. Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố X1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hồng Q (chết) và bà Trần Thị C; Có vợ là Lê Thị Thùy C và có 01 con; Tiền án: 02 ( Tại Bản án số 25/2016/HS-ST ngày 16/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê tuyên phạt 40 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành án tại trại giam Gia Trung, đến ngày 09/6/2018 thì chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, chưa được xóa án tích. Tại Bản án số 21/2019/HS-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Đoa tuyên phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại trại giam Gia Trung, đến ngày 17/12/2020 thì chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, chưa được xóa án tích); Tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Bản án số: 12/2010/HS-ST ngày 04/3/2010 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê xử phạt Lê Minh P 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai đến ngày 03/5/2011 chấp hành xong hình phạt và về địa phương sinh sống (Hiện đã được xóa án tích). Bị bắt phạm tội quả tang ngày 24/4/2022, tạm giữ ngày 25/4/2022, tạm giam ngày 01/5/2022 cho đến nay. Có mặt.

**2. Nguyễn Văn S,** sinh ngày 24/6/1986, tại: Nam Định. Nơi cư trú: Thôn L, xã G, huyện S, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính:

Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc T (chết) và bà Đoàn Thị L; đã ly hôn vợ và có 02 con; Tiền án: 01, tại Bản án số 39/2019/HS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, Gia Lai xử phạt Nguyễn Văn S 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, đến ngày 14/7/2020 trở về địa phương sinh sống (chưa được xóa án tích) ; Tiền sự: 01, ngày 13/9/2019 bị Công an huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, số tiền 1.500.000 đồng, hiện chưa chấp hành quyết định xử phạt. Bị tạm giữ ngày 25/4/2022, tạm giam ngày 01/5/2022 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Ly L, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện S, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Bùi Xuân K, sinh năm 1989. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Bà Trần Thị C, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn B, xã A, thị xã K, tỉnh Gia Lai.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 24/4/2022, Lê Minh P rủ Nguyễn Văn S và Bùi Xuân K đi tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến thôn X, xã P, huyện S, Nguyễn Văn S và Lê Minh P thấy cửa bên hông nhà chị Nguyễn Thị Ly L để mở thì Lê Minh P điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát: 72F1 – 841.79 chở Nguyễn Văn S chạy vào trong sân nhà chị L; Bùi Xuân K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Sirius (không xác định được biển số) đứng phía ngoài đường Quốc lộ 14 để canh giới. Nguyễn Văn S đứng ngoài sân canh giới, còn Lê Minh P đi bộ một mình vào trong nhà chị L giả vờ hỏi thăm người quen, lợi dụng sơ hở để trộm cắp tài sản. Quan sát thấy không có người trong nhà nên P đi vào phòng ngủ nhà chị L lục tìm tài sản để trộm cắp. P mở tủ quần áo lấy trộm được 01 túi xách bằng da màu đen, P cất giấu túi xách vừa trộm cắp được vào trong áo phía trước bụng rồi đi ra ngoài điều khiển xe mô tô chở S chạy đến khu vực đường nhựa phía sau Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh Gia Lai thì dừng lại kiểm tra túi xách. P và S thấy trong túi không có tiền, vàng hoặc tài sản có giá trị mà chỉ có son phấn trang điểm nên P đưa túi xách cho S vứt vào bụi cỏ bên đường. Lúc này, Bùi Xuân K khiển xe máy chạy theo P và S nhưng không kịp; K không biết P, S đi đâu nên K chạy dọc theo Quốc lộ 14 đến thị trấn H, huyện P tìm nhưng không thấy nên K quay lại.

Sau khi S ném túi xách xong, Lê Minh P tiếp tục điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát: 72F1 – 841.79 chở Nguyễn Văn S quay lại nhà chị L tìm tài sản để trộm cắp. Nguyễn Văn S đứng bên ngoài canh giới còn Lê Minh P đi bộ một mình vào trong nhà chị L lục tìm tài sản. P đi vào phòng ngủ cạnh nhà bếp trong nhà chị L, mở tủ lấy trộm được 01 túi ni lông bên trong có số tiền 22.000.000đ, toàn bộ có mệnh giá 500.000đ của chị L để trong góc tủ; 01 cái túi xách màu đỏ và 01 cái túi

xách màu đen. Phúc mở túi xách màu đỏ lấy trộm được 01 chiếc vòng đeo tay bằng vàng 18K trọng lượng 1,5 chỉ; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K, có đính hột màu tím có trọng lượng 01 chỉ. Sau khi lấy được các tài sản trên, Phúc gọi Sáu đến bên cửa sổ phòng ngủ rồi đưa túi ni lông đựng tiền và vàng cho S cầm đi ra ngoài sân.

Lúc này, chị Nguyễn Thị Ly L từ ngoài vườn đi vào thấy P đang ở trong nhà của mình nên nghi ngờ P trộm cắp tài sản. Thấy bị phát hiện thì P ném 02 cái túi xách vào góc phòng ngủ. Chị L cầm dao không chế và kêu gọi hàng xóm đến hỗ trợ bắt giữ P, sau đó báo Công an xã Ia Pal đến giải quyết. Nguyễn Văn S thấy P bị phát hiện nên điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 72F1 – 841.79 bỏ chạy đến khu vực thôn Q, xã H, huyện P. Nguyễn Văn S đem số tiền và vàng do P vừa trộm cắp được giấu vào bụi cây bên phải đường QL 14, hướng từ Gia Lai đi Đăk Lăk rồi điều khiển xe mô tô chạy về hướng xã P. Trên đường đi, Sáu gặp Bùi Xuân K, Sáu nói cho K biết đã trộm cắp được 01 cái túi xách chỉ có son phấn trang điểm và nói cho K nghe việc Phúc bị người dân phát hiện, bắt giữ, Sáu không nói cho K biết việc P và S vừa trộm cắp được tiền, vàng và nơi S vừa cất giấu tiền, vàng trong bụi cây ven đường. Đến 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn S đã đến Công an xã Ia Pal, huyện Chư Sê đầu thú và khai nhận về hành vi của mình và đồng phạm như trên.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện Chư Sê đã tiến hành xác minh truy tìm các tài sản tại nơi Sáu khai đã cất giấu. Tuy nhiên, quá trình kiểm tra, truy tìm, chỉ phát hiện thấy số tiền 500.000đ tại hiện trường. Không tìm thấy số tiền, vàng còn lại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL – HĐĐG ngày 28/4/2022, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Chư Sê kết luận:

01 cái túi xách bằng da màu đen, miệng túi bằng kim loại màu vàng đồng, trên túi có chữ “TWINS” có giá: 117.000 đồng; 01 hộp phấn màu kẻ mắt có chữ “LAMEILA” có giá: 73.000 đồng; 01 hộp phấn má hồng, màu đen – trắng, có hoa văn hình trái tim và chữ “CUTIE HEART” có giá: 73.000 đồng; 01 hộp phấn ướt, hình tròn màu đen – đồng có chữ “Made in Korea” và hình ảnh người phụ nữ, 02 con báo có giá: 87.000 đồng; 01 hộp phấn trang điểm, hình tròn, màu hồng, có chữ “GLAMUOR BRIGHT” có giá: 103.000 đồng; 01 thỏi son môi hình trụ, màu đỏ có chữ “3 C E” có giá: 80.000 đồng; 01 thỏi son môi, hình trụ, màu vàng đồng có chữ “FIRIN” có giá: 80.000đ; 01 thỏi son môi, hình trụ, màu trắng – vàng đồng, có chữ “MAMONDE” có giá: 80.000 đồng; 01 lọ phấn lót, có chữ “YSL” có giá: 83.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà P, S, K chiếm đoạt lần thứ nhất là: 776.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

01 cái túi xách bằng da màu đỏ, có Logo hình 2 chữ “C” lồng vào nhau có giá: 90.000 đồng; 01 cái túi xách bằng da màu đen, khoá kéo bằng kim loại hình trái tim có chữ “BEYASE” có giá: 90.000 đồng; 01 cái vòng đeo tay bằng vàng 18K, khối lượng 1,5 chỉ, có giá trị 5.550.000 đồng; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K, có đính đá màu tím, khối lượng 01 chỉ, có giá trị 3.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Phúc, Sáu chiếm đoạt lần thứ hai: 9.430.000 đồng (Chín triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt vào ngày 24/4/2022 là: Tiền mặt: 22.000.000 đồng + tài sản: 10.206.000 đồng = 32.206.000 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Tại Bản Cáo trạng số: 27/CTr-VKS ngày 22/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê đã truy tố bị cáo Lê Minh P (Tên gọi khác: C) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Minh P (Tên gọi khác: C) và Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Minh P (Tên gọi khác: C) từ 24 đến 36 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 18 đến 24 tháng tù.

Áp dụng Điều 35; khoản 5 Điều 173 Bộ Luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Minh P (Tên gọi khác: C) và Nguyễn Văn S mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ly L 15.000.0000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại số tiền 500.000đ cho chị Nguyễn Thị Ly L.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc bị cáo Lê Minh P (Tên gọi khác: C) phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Sê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có

đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 24/4/2022, Lê Minh P rủ Nguyễn Văn S và Bùi Xuân K đi trộm cắp tài sản. P chở S đi trên xe mô tô Yamaha biển kiểm soát: 72F1 – 841.79, còn Khoa điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Sirius đi một mình đến nhà chị Nguyễn Thị Ly L trộm cắp được 01 cái túi xách bên trong có son phấn, đồ trang điểm. Sau khi Phúc và Sáu trộm cắp được túi xách và chạy đến phía sau UBND xã R, huyện S để kiểm tra tài sản trộm cắp được, K chạy theo nhưng không gặp được P và S; K không biết tài sản trộm cắp được là gì. Tổng giá trị các tài sản mà P, S và K trộm cắp là 776.000đ (Bảy trăm bảy mươi sáu ngàn đồng). Sau khi phát hiện tài sản trộm cắp trước đó không có giá trị thì P và S bàn nhau tiếp tục quay lại nhà chị L và trộm cắp được tiền và vàng, lúc này K đi đâu không rõ, không tham gia cùng với S và P. Sau khi trộm cắp xong thì Nguyễn Văn S thấy P bị phát hiện nên điều khiển xe mô tô BKS: 72F1 – 841.79 bỏ chạy đến khu vực thôn Q, xã H, huyện P và cất giấu số tiền, vàng do P vừa trộm cắp được vào bụi cây bên phải đường QL 14, hướng từ Gia Lai đi Đăk Lăk. Còn P thì bị người dân bắt quả tang. Tổng số tài sản tiền mặt và nhẫn, vòng vàng mà P và S trộm cắp được của chị L là: 31.430.000 đồng (Ba mươi một triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

Đây là vụ đồng phạm nhưng tính chất giản đơn, các bị cáo cùng nhau rủ rê và thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó: Lê Minh P là người chủ mưu, rủ rê khởi xướng S và K đi trộm cắp tài sản, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp với tổng giá trị là: 32.206.000 đồng. Khi phạm tội bị cáo đang có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” nên hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Văn S giữ vai trò là đồng phạm trong vụ án, sau khi được P rủ đi trộm cắp tài sản thì S đồng ý, tham gia rất tích cực, là người cảnh giới cho P thực hiện hành vi phạm tội, sau đó trực tiếp đem số tài sản trộm cắp giá trị là: 32.206.000 đồng đi cất giấu. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê truy tố là đúng người, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Nguyên nhân động cơ phạm tội của bị cáo không phải do hoàn cảnh khó khăn mà do bản tính lười lao động, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nên đã chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm thỏa mãn nhu cầu thấp hèn của bản thân. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

**[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Bị cáo Lê Minh P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã tác động người thân bồi thường thiệt hại cho bị hại được bị hại viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Bị cáo Nguyễn Văn S khi phạm tội đang có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**[4]. Về hình phạt bổ sung:** Các bị cáo đều có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

**[5.] Về trách nhiệm dân sự:**

Chị Nguyễn Thị Ly L yêu cầu Lê Minh P và Nguyễn Văn S bồi thường dân sự với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Xét thiệt hại của bị hại là do các bị cáo cùng gây ra nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại. Bị cáo Lê Minh P đã tác động người thân bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ly L 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Chị L không yêu cầu P bồi thường gì thêm. Những người đã bồi thường thay cho bị cáo là bà Trần Thị C và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường thay nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Chị L tiếp tục yêu cầu Nguyễn Văn S bồi thường 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Yêu cầu trên của chị L là có cơ sở nên cần chấp nhận.

**[6]. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Xuân K:** Khi được P rủ đi trộm cắp tài sản thì K đồng ý, ngoài ra K, P và S không có bàn bạc gì thêm. Tổng giá trị tài sản mà K cùng với S và P trộm cắp lúc đầu là: 776.000đồng. Sau khi trộm cắp xong P và S điều khiển xe mô tô đi cất giấu ở đâu thì K hoàn toàn không biết. K đồng phạm với S và P trong lần trộm cắp này. Đối với việc P và S tiếp tục quay lại nhà chị L để tiếp tục trộm cắp tài sản giá trị 31.430.000 đồng, lần trộm cắp tiếp theo này chỉ có P và S thực hiện, P và S không rủ rê, không nói cho K biết việc trộm cắp được tiền, vàng trong lần thứ hai này. Việc thực hiện hành vi trộm cắp lần thứ 2 của P và S là hành vi vượt quá của đồng phạm, giữa K, P và S không có hứa hẹn gì về việc tiêu thụ tài sản trộm cắp. Tại Bản án số 12/2010/HS-ST ngày 04/3/2010 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê tuyên phạt Bùi Xuân K 18 tháng tù, hiện đã được xóa án tích. Khoa chưa có tiền án, tiền sự về các tội chiếm đoạt tài sản; giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong lần trộm cắp thứ nhất (đồng phạm cùng P và S) là dưới 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Vì vậy, hành vi của Bùi Xuân K không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 BLHS. Công an huyện Chư Sê đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000đ đối với Bùi Xuân K về hành vi “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 144/2021/NĐ-CP là đúng quy định.

**[7]. Về vật chứng của vụ án:**

Đối với 01 cái túi xách bằng da màu đen, miệng túi bằng kim loại màu vàng đồng, trên túi có chữ “TWINS”; 01 hộp phấn màu kẻ mắt có chữ “LAMEILA”; 01 hộp phấn má hồng, màu đen – trắng, có hoa văn hình trái tim và chữ “CUTIE HEART”; 01 hộp phấn ướt, hình tròn màu đen – đồng có chữ “Made in Korea” và hình ảnh người phụ nữ, 02 con báo; 01 hộp phấn trang điểm, hình tròn, màu hồng, có

chữ “GLAMUOR BRIGHT”; 01 thỏi son môi hình trụ, màu đỏ có chữ “3 C E”; 01 thỏi son môi, hình trụ, màu vàng đồng có chữ “FIRIN”; 01 thỏi son môi, hình trụ, màu trắng – vàng đồng, có chữ “MAMONDE”; 01 lọ phấn lót, có chữ “YSL”; 01 cái túi xách bằng da màu đỏ, có Logo hình 2 chữ “C” lồng vào nhau; 01 cái túi xách bằng da màu đen, khoá kéo bằng kim loại hình trái tim có chữ “BEYASE” là tài sản của chị L. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Chư Sê đã trả lại tài sản cho chị L là đúng quy định.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát: 72F1 – 841.79, nhãn hiệu YAMAHA, EXCITER, màu xanh đen, đây là tài sản của bà Trần Thị C. Khi cho P mượn xe mô tô trên, bà C không biết P sử dụng đi trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Chư Sê đã trao trả cho bà Trần Thị C là đúng quy định.

Đối với số tiền, vàng các bị cáo chiếm đoạt. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Chư Sê đã thông báo truy tìm vật chứng và xác minh truy tìm nhưng đến nay chưa tìm thấy vì vậy không đề cập xử lý.

Đối với 01 mô tô nhãn hiệu Honda Sirius (không xác định được biển số) là phương tiện Bùi Văn K sử dụng để cùng S và P đi trộm cắp, tuy nhiên đây là tài sản K mượn của 01 người tên Đ (chưa xác định được địa chỉ) Sau khi đi thực hiện hành vi vi phạm thì K đã trả xe mô tô lại cho Đ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, tuy nhiên không xác định được chiếc xe mô tô trên hiện đang ở đâu, không tiến hành thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank là tài sản của chị L, Cơ quan điều tra không thu giữ được, chị L đã làm lại thẻ và không có yêu cầu gì nên miễn xét.

Đối với số tiền 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) thu giữ được tại khu vực bụi cây ven đường Quốc lộ 14 thuộc thôn Q, xã H, huyện P (Nguyễn Văn S khai nhận là nơi đã cất giấu tiền, vàng trộm cắp được vào ngày 24/4/2022). Đây là tài sản hợp pháp của chị L nên cần trả lại cho chị L là phù hợp.

**[8]. Về án phí:** Bị cáo Lê Minh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh P (Tên gọi khác: C) và Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh P (Tên gọi khác: C) 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt phạm tội quả tang 24/4/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 25/4/2022.

**2. Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng Điều 35; khoản 5 Điều 173 Bộ Luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Minh P (Tên gọi khác: C) và Nguyễn Văn S mỗi bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

**3. Về trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ly L 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.*

**4. Về vật chứng:** Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại số tiền 500.000đ cho chị Nguyễn Thị Ly L. (Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, đặc điểm, số lượng, chủng loại theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/7/2022 giữa Công an huyện Chư Sê và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê).

**5. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc bị cáo Lê Minh P (Tên gọi khác: C) phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa là kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Công an huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Dậu**